

Bản án số: 94/2024/DS-ST

Ngày: 25/11/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu In**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Hoài Khanh**

Bà **Chung Kim Sang**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 63/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần A**

Địa chỉ: số 442 N, phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Từ Tiến P**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình L**, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Anh **Nguyễn Bá L1**, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ (có mặt).

Đại diện theo giấy ủy quyền số 1991/UQ-QLN.23, ngày 23/11/2023.

Địa chỉ chi nhánh: số 450, đường N, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Ông **Lâm Thanh B**, sinh năm 1977 (vắng mặt) và bà **Nguyễn Thị Thúy V**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 155/26, đường M, khu phố L, phường T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh **Nguyễn Bá L1** trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB) cấp tín dụng cho ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V căn cứ theo: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KIG.CN.3176.110522 ngày 11/5/2022.

Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.3126.110522 ngày 21/10/2022; Chi tiết như sau: số tiền vay 450.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất tủ nhôm, đồ gia dụng bằng nhôm, inox, ...; Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng; Phương thức giải ngân: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; Thời hạn cho vay: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể. Thời hạn giải ngân: 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng. Lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để thực hiện thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, ACB đã giải ngân cho ông B, bà V bằng Khế ước nhận nợ như sau:

Khế ước nhận số 376120759; số tiền 450.000.000 đồng; phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 18932227 của ông Lâm Thanh B tại ACB; thời hạn cho vay: Từ ngày 22/10/2022 đến ngày 21/04/2023; Lãi suất trong hạn: 11%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh theo thông báo của ACB trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- ACB cấp tín dụng cho ông B, bà V căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20/4/2021; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB; Các văn bản khác của ông B ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Chi tiết như sau: Số thẻ tín dụng: 3567 95** **** 1843; Ngày cấp: 28/4/2021; Loại thẻ: JCB Gold; Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng. Hiệu lực thẻ: 36 tháng. Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB - là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông B và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ACB. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì: Từ ngày 21/04/2023, ACB đã chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ khoản vay của Khế ước nhận nợ nêu trên. Ngày 01/8/2023, ACB ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 02/11/2023, ông B và bà V còn nợ ACB các khoản sau:

Khế ước nhận nợ số 376120759; gốc là 450.000.000 đồng; lãi trong hạn 4.068.493 đồng; lãi quá hạn 39.885.166 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 493.953.659 đồng.

Thẻ tín dụng số 3567 95** **** 1843; gốc là 32.657.515 đồng; lãi quá hạn 4.300.021 đồng; tổng cộng gốc và lãi 36.957.536 đồng.

Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau:

Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: số 181/9, đường T, khu phố 4, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301010416 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 21/01/1999, biến động chủ sở hữu ngày 19/05/2009. Tài sản thế chấp cho ACB căn cứ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KIG.BĐCN.409.190421 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang, số công chứng 2031 ngày 20/4/2021; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ngày 20/4/2021.

Tính đến nay khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V trả số nợ trên nhưng cho đến nay vẫn không trả được nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, anh L1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số KIG.CN.3176.110522 ngày 11/5/2022 tính đến ngày 25/11/2024 là 573.519.450 đồng, trong đó vốn gốc 449.999.998 đồng, lãi suất là 123.519.452 đồng; gốc và lãi của thẻ tín dụng số 3567 95** **** 1843, ngày 28/4/2021 là 49.663.948 đồng; trong đó gốc là 32.657.515 đồng, lãi là 17.006.433 đồng. Tổng cộng gốc và lãi của hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng là 623.183.398 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 26/11/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trên các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V: Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý vụ án hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa, ông B, bà V vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể như sau:

+ *Thẩm quyền thụ lý vụ án.* Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại địa chỉ số 155/26, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015.

+ *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu anh Lâm Thanh B, chị Nguyễn Thị Thúy V trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi và xử

lý tài sản thế chấp nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định của Tòa án tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

+ Về chứng cứ, chứng minh: Thẩm phán đã tiến hành các bước thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật tại Điều 96, 97 BLTTDS 2015.

+ Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng: theo Biên bản xác minh ngày 22/5/2024 của TAND thành phố Rạch Giá, anh B, chị V trước đây có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 155/26 M, phường T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Qua xác minh cho thấy, hiện đã bán nhà đi khỏi địa phương khoảng 05 năm. Do đó Thẩm phán đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều 177. Đến nay, anh B và chị V vẫn chưa có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

+ Chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý vụ án ngày 04/3/2024, Thẩm phán đã tiến hành các bước thu thập tài liệu, chứng cứ, tổng đạt các giấy tờ hợp lệ cho các bên đương sự. Đến ngày 22/10/2024, Thẩm phán ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HNGĐ là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tham gia phiên tòa: Thẩm phán đã ban hành quyết định xét xử rồi mới chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu hồ sơ là chưa đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 21 và Khoản 2 Điều 220 BLTTDS 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng bị đơn anh Lâm Thanh B, chị Nguyễn Thị Thúy V chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.3126.110522 ngày 21/10/2022 được ký kết giữa bên cấp tín dụng là Ngân hàng TMCP A với bên được cấp là anh Lâm Thanh B và chị Nguyễn Thị Thúy V thể hiện nội dung Bên cấp tín dụng đồng ý cấp hạn mức cho vay số tiền 450.000.000 đồng cho bên vay với mục đích vay tiền để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, sản xuất tủ nhôm đồ gia dụng bằng nhôm, inox,... lãi suất vay, thời hạn vay sẽ được quy định cụ thể trong Khế ước nhận nợ. Căn cứ vào Khế ước nhận nợ số 376120759 ngày 21/10/2022 thể hiện sự việc anh Bình, chị Vi đã nhận tổng số tiền vay được giải ngân là 450.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 22/10/2022 đến ngày 21/4/2023), lãi suất vay 11,00%/năm (một năm được tính là 365 ngày) lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất cho vay

sẽ được điều chỉnh theo thông báo của ACB trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, lãi suất phạt chậm trả là 10%/năm.

Ngoài ra, anh B có đăng ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000 đồng, số thẻ 3567 9500 0046 1843 hiệu lực thẻ 36 tháng ngày cấp 28/4/2021, loại thẻ JCB Gold và bảo đảm bằng hình thức thế chấp bất động sản.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng anh Bình đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP A đã Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ vào ngày 01/8/2023 và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán.

Dư nợ bị chuyển nợ quá hạn 32.657.515 đồng với lãi suất nợ quá hạn 3,5%/tháng.

Để đảm bảo khoản vay anh B, chị V đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KIG.BĐCN.409.190421 ngày 21/4/2021 đã được công chứng và đăng ký tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 530101416, thửa đất số 129, tờ bản đồ số 07 tại số 181/9 T, khu phố 4, phường V, thị xã R (nay là thành phố Rạch Giá).

Trong quá trình giải quyết vụ án thì các văn bản tố tụng của vụ án đã được tổng đạt theo quy định của pháp luật cho anh Bình, chị Vi theo địa chỉ thường trú đã được xác nhận trong hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký kết với Ngân hàng TMCP A nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ACB, Trường hợp, anh Bình, chị Vi phản đối yêu cầu khởi kiện thì phải cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Nhận thấy, giao dịch giữa các bên là phù hợp với quy định pháp luật, tự nguyện và không bị ép buộc nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng thỏa thuận. Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng anh B, chị V không trả nợ lãi và gốc theo thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng TMCP A khởi kiện vợ chồng anh B, chị V phải thanh toán các khoản nợ gốc và lãi là có căn cứ để chấp nhận.

Từ các cơ sở đã phân tích trên, căn cứ vào Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 299, 319, 323, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A về việc yêu cầu anh Lâm Thanh B, chị Nguyễn Thị Thúy V phải trả số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 25/11/2024 là 623.183.398 đồng (trong đó tiền nợ gốc của Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN 3126.110522 là 449.999.998 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 4.068.493 đồng, lãi quá hạn 118.800.000 đồng, phạt chậm trả lãi 650.959 đồng; nợ gốc của số thẻ 3567 95** ** ngày 28/4/2021 là 32.657.515 đồng, lãi là 17.006.433 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/11/2024 theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp, anh B và chị V không thực hiện hoặc chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ, thì yêu cầu của Ngân hàng về việc có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp.

Căn cứ vào khoản 4, Điều 26 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 anh Lâm Thanh B, chị Nguyễn Thị Thúy V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt ông B, bà V. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng phía bị đơn là ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V vẫn không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, được quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

[3] *Về nội dung vụ án:* Xét thấy, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V đã phát sinh giao dịch tín dụng thông qua hợp đồng tín dụng số: KIG.CN.3176.110522 ngày 11/5/2022, Ngân hàng cho ông B, bà V vay số tiền gốc 450.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 22/10/2022 đến ngày 21/04/2023, lãi suất trong hạn: 11%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm; mục đích vay Bổ sung vốn lưu động sản xuất tử nhôm, đồ gia dụng bằng nhôm, inox, ...; Ngày 28/4/2012, Ngân hàng cấp cho ông B, bà V thẻ tín dụng số 3567 95** **** 1843; Loại thẻ: JCB Gold; Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng. Hiệu lực thẻ: 36 tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông B, bà V đã vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Phía ông B, bà V cũng đã có cam kết trả nợ cho Ngân hàng rất nhiều lần nhưng không thực hiện; như vậy ông B, bà V đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số KIG.CN.3176.110522 ngày 11/5/2022 tính đến ngày 25/11/2024 là 573.519.450 đồng; gốc và lãi của thẻ tín dụng số 3567 95** **** 1843, ngày 28/4/2021 tính đến ngày 25/11/2024 là 49.663.948 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 623.183.398 đồng. Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ

chức tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét các hợp đồng tín dụng số KIG.CN.3176.110522 ngày 11/5/2022; Khế ước nhận số 376120759; thẻ tín dụng số 3567 95** **** 1843, ngày 28/4/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V được lập thành văn bản và ký kết với nhau là tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số KIG.BĐCN.409.190421, ký ngày 20/4/2021.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với tài sản đảm bảo hợp đồng vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp số KIG.BĐCN.409.190421, ngày 20/4/2021 thực hiện đúng quy định và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ngày 20/4/2021.

Căn cứ quy định tại Điều 317; Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số KIG.BĐCN.409.190421, ngày 20/4/2021 để thu hồi nợ.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền gốc và lãi là: 623.183.398 đồng (trong đó tiền gốc của Hợp đồng tín dụng số KIG.CN.3176.110522 ngày 11/5/2022 là 449.999.998 đồng, lãi suất là 123.519.452 đồng; tiền gốc của thẻ tín dụng số 3567 95** **** 1843, ngày 28/4/2021 là 32.657.515 đồng, lãi là 17.006.433 đồng) và phải trả lãi phát sinh từ ngày 26/11/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng số KIG.CN.3176.110522 ngày 11/5/2022 và thẻ tín dụng số 3567 95** **** 1843, ngày 28/4/2021 đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Bị đơn ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 623.183.398 đồng là: $[20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 223.183.398 \text{ đồng})] = 28.927.335 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.620.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 317, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V.

Buộc ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số KIG.CN.3176.110522 ngày 11/5/2022 và gốc và lãi của thẻ tín dụng số 3567 95** **** 1843, ngày 28/4/2021 là 623.183.398 đồng (*sáu trăm hai mươi ba triệu một trăm tám mươi ba nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*).

Ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số KIG.CN.3176.110522 ngày 11/5/2022 và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong thẻ tín dụng số 3567 95** **** 1843, ngày 28/4/2021, kể từ ngày 26/11/2024 cho đến khi tất toán xong nợ vay cho Ngân hàng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thửa số 129, tờ bản đồ số 07, diện tích đất 62,53m²; nhà ở, diện tích xây dựng 62,53m²; kết cấu nhà: cấp 3, số tầng: 01+gác gỗ; tọa lạc tại 181/9, đường T, khu phố 4, phường V, thị xã R (nay là thành phố Rạch Giá), tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301010416 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 21/01/1999 do ông Vương Văn Cửa đứng tên và được chỉnh lý biến động sang tên ông Lâm Thanh B ngày 19/5/2009. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ngày 20/4/2021.

Trường hợp bị đơn đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301010416 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 21/01/1999 do ông Vương Văn Cửa đứng tên và được chỉnh lý biến động sang tên ông Lâm Thanh B ngày 19/5/2009.

Về án phí: Ông Lâm Thanh B, bà Nguyễn Thị Thúy V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 28.927.335 đồng (*hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.620.000 đồng, theo biên lai thu số 0006074 ngày 30/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/11/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan THA Dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN